**Important aspects of the history in the patient with hypertension**

determine the presence of precipitating or aggravating factors (including prescription medications, nonprescription NSAIDs, and alcohol consumption), the duration of hypertension, previous attempts at treatment, the extent of target-organ damage, and the presence of other known risk factors for cardiovascular disease

**Diễn tiến THA**

* Lần cuối biết HA bình thường?
* Chiều hướng của HA?

**Điều trị THA trước đó**

* Thuốc: loại, liều, tác dụng phụ

**Những tác nhân nhận vào có thể gây THA**

* NSAIDs
* Estrogens
* Adrenal steroids
* Cocaine
* Sympathomimetics
* Excessive soidum

**Tiền căn gia đình**

* THA
* Bệnh lí tim mạch sớm hay tử vong
* Bệnh gia đình: pheochromocytoma, bệnh thận, ĐTĐ, gout

**Triệu chứng của nguyên nhân thứ phát**

* Yếu cơ
* Tim nhanh, đổ mồ hôi, rung (tremor)
* Da mỏng
* Đau hông lưng

**Triệu chứng của tổn thương cơ quan đích**

* Đau đầu
* Yếu/nhìn mờ thoáng qua
* Mất thị lực
* Đau ngực
* Khó thở
* Đau chân (cách hồi) (claudication)

**Yếu tố nguy cơ khác**

* Hút thuốc lá
* ĐTĐ
* Rối loạn lipid máu
* Ít vận động

**Thói quen ăn uống**

* Na+
* Thức ăn chế biến sẵn
* Rượu
* Chất béo bão hòa

**Yếu tố tâm lí**

* Gia đình
* Công việc
* Trình độ học vấn

**Sexual function**

**Khó thở khi ngủ (sleep apnea)**

* Đau đầu sáng sớm
* Mơ màng ban ngày
* Ngáy to
* Ngủ thất thường

**Important aspects of the physical examination in the hypertensive patient**

Dấu hiệu của tổn thương cơ quan đích, bệnh tim mạch, những nguyên nhân thứ phát

**Đo chính xác huyết áp**

**Tổng trạng**

* Phân bố mỡ
* Tổn thương da
* Sức cơ
* Tri giác (alertness)

**Soi đáy mắt (fundoscopy)**

* Xuất huyết
* Phù gai thị
* cotton wool spots
* Arteriolar narrowing and arteriovenous nicking

**Cổ**

* Sờ và nghe động mạch cảnh
* Tuyến giáp

**Tim**

* Kích thước
* Nhịp
* Tiếng tim

**Phổi**

* Rì rào phế nang (rhonchi)
* Ran

**Bụng**

* U thận (renal masses)
* Âm thổi ĐMC hay ĐM thận
* Mạch bẹn

**Tứ chi**

* Mạch ngoại biên
* Phù

**Thần kinh**

* Rối loạn thị giác
* Yếu cơ (focal weakness)
* Lú lẫn

**Basic and optional laboratory tests for primary hypertension**

**CLS cơ bản**

* Đường nhanh
* CTM
* Lipid
* Creatinine HT, eGFR
* Ion đồ: Na, K, Ca
* TSH
* TPTNT
* ECG

**CLS không bắt buộc**

* Siêu âm tim
* Uric acid
* Albumin, creatinine niệu